

DANH SÁCH

Các hộ được hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản nông nghiệp xuất vùng bị thiệt hại do Bão số 3 năm 2025 gây tra  
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Chí Minh)

|         | Họ và tên        | Thôn      | Thiệt hại trên 70%           |                           |                                                      | Thiệt hại từ 30 - 70%        |                                                      | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) |
|---------|------------------|-----------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------|
|         |                  |           | Diện tích lúa                |                           | Diện tích chuối                                      | Diện tích lúa                | Diện tích chuối                                      |                            |
|         |                  |           | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Diện tích mạ bị thiệt hại | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây |                            |
|         |                  |           | (m <sup>2</sup> )            | (m <sup>2</sup> )         | (m <sup>2</sup> )                                    | (m2)                         | (m <sup>2</sup> )                                    |                            |
| 1       | 2                | 3         | 4                            | 5                         | 6                                                    | 7                            | 8                                                    | 9                          |
| TỔNG SỐ |                  |           | 196,353                      | -                         | 12,422                                               | 46,357                       | 15,554                                               | 192,315,900                |
| 1       | Nguyễn Thị Toan  | La Giang  | 720                          |                           |                                                      | 1,800                        |                                                      | 972,000                    |
| 2       | Phạm Đức Trung   | Đồng Kênh | 20,000                       |                           |                                                      | 15,000                       |                                                      | 16,500,000                 |
| 3       | Hà Đình Thi      | Gia Lộc   | 3,600                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 2,160,000                  |
| 4       | Nguyễn Thế Hiếu  |           | 1,380                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 828,000                    |
| 5       | Nguyễn Văn Đà    |           | 7,500                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 4,500,000                  |
| 6       | Nguyễn Mạnh Thế  |           | 3,600                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 2,160,000                  |
| 7       | Nguyễn Văn Trịnh |           | 1,000                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 600,000                    |
| 8       | Nguyễn Thị Ngoàn |           | 700                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 420,000                    |
| 9       | Nguyễn Văn Hanh  | Mỹ Ân     | 19,000                       |                           |                                                      |                              |                                                      | 11,400,000                 |
| 10      | Nguyễn Văn Hoan  |           | 1,700                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,020,000                  |
| 11      | Bùi Văn Triều    |           | 1,800                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,080,000                  |
| 12      | Hoàng Thị Lá     |           |                              |                           |                                                      | 1,440                        |                                                      | 432,000                    |
| 13      | Nguyễn Văn Thuận |           | 1,700                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,020,000                  |
| 14      | Hoàng Văn Quả    |           | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |

|    | Họ và tên          | Thôn    | Thiệt hại trên 70%           |                           |                                                      | Thiệt hại từ 30 - 70%        |                                                      | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) |
|----|--------------------|---------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------|
|    |                    |         | Diện tích lúa                |                           | Diện tích chuối                                      | Diện tích lúa                | Diện tích chuối                                      |                            |
|    |                    |         | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Diện tích mạ bị thiệt hại | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây |                            |
| 15 | Đỗ Thi Vóc         | Nho Lâm | 2,880                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,728,000                  |
| 16 | Vũ Minh Ngoan      |         |                              |                           | 402                                                  |                              |                                                      | 1,206,000                  |
| 17 | Vũ Văn Tuấn        |         | 540                          |                           | 240                                                  |                              |                                                      | 1,044,000                  |
| 18 | Vũ Văn Thiệp       |         | 850                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 510,000                    |
| 19 | Đặng Công Đoàn     |         | 1,440                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 864,000                    |
| 20 | Đặng Văn Lộc       |         | 2,520                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,512,000                  |
| 21 | Đỗ Quang Biện      |         | 1,680                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,008,000                  |
| 22 | Đỗ Văn Hòe         |         |                              |                           |                                                      |                              | 400                                                  | 600,000                    |
| 23 | Đỗ Văn Thứ         |         | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |
| 24 | Phạm Văn Liễu      |         |                              |                           |                                                      |                              | 550                                                  | 825,000                    |
| 25 | Đặng Chung Chính   |         |                              |                           |                                                      |                              | 450                                                  | 675,000                    |
| 26 | Phạm Văn Trụ       |         |                              |                           |                                                      |                              | 650                                                  | 975,000                    |
| 27 | Nguyễn Thị Bưởi    |         | 4,558                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 2,734,800                  |
| 28 | Nguyễn Thị Nhiên   |         | 1,620                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 972,000                    |
| 29 | Nguyễn Thị Dung    |         | 1,949                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,169,400                  |
| 30 | Nguyễn Tiến Lợi    |         | 2,345                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,407,000                  |
| 31 | Nguyễn Đình Tập    |         | 1,475                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 885,000                    |
| 32 | Phạm Thị Quyên     |         |                              |                           |                                                      | 2,340                        |                                                      | 702,000                    |
| 33 | Nguyễn Thị Liên    |         | 1,620                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 972,000                    |
| 34 | Nguyễn Tiến Khương |         | 744                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 446,400                    |
| 35 | Nguyễn Thị Minh    |         |                              |                           |                                                      | 1,620                        |                                                      | 486,000                    |
| 36 | Nguyễn Tiến Phó    |         |                              |                           |                                                      | 1,441                        |                                                      | 432,300                    |
| 37 | Nguyễn Ngọc Huy    |         |                              |                           |                                                      | 1,299                        |                                                      | 389,700                    |

|    | Họ và tên           | Thôn    | Thiệt hại trên 70%           |                           |                                                      | Thiệt hại từ 30 - 70%        |                                                      | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) |
|----|---------------------|---------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------|
|    |                     |         | Diện tích lúa                |                           | Diện tích chuối                                      | Diện tích lúa                | Diện tích chuối                                      |                            |
|    |                     |         | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Diện tích mạ bị thiệt hại | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây |                            |
| 38 | Nguyễn Văn Đàm      | Nhân Lý | 2,520                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,512,000                  |
| 39 | Nguyễn Thị Giang    |         | 1,536                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 921,600                    |
| 40 | Nguyễn Thị Vân      |         | 1,080                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 648,000                    |
| 41 | Nguyễn Hữu Thắm     |         | 1,491                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 894,600                    |
| 42 | Phạm Thị Thuận      |         | 833                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 499,800                    |
| 43 | Nguyễn Thị Mây      |         | 2,340                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,404,000                  |
| 44 | Nguyễn Thị Hà       |         | 2,520                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,512,000                  |
| 45 | Bùi Thị Minh Thuyên |         | 1,620                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 972,000                    |
| 46 | Nguyễn Thị Sơn      |         | 638                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 382,800                    |
| 47 | Nguyễn Văn Công     |         | 1,800                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,080,000                  |
| 48 | Nguyễn Minh Thịnh   |         |                              |                           |                                                      | 1,929                        |                                                      | 578,700                    |
| 49 | Nguyễn Văn Nhân     |         | 1,480                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 888,000                    |
| 50 | Nguyễn Công Vung    |         | 800                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 480,000                    |
| 51 | Nguyễn Tiến Quyến   |         | 2,383                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,429,800                  |
| 52 | Nguyễn Mạnh Tiến    |         | 3,960                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 2,376,000                  |
| 53 | Trần Thị Tươi       |         | 698                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 418,800                    |
| 54 | Phạm Thị Diễm       |         | 1,152                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 691,200                    |
| 55 | Phạm Thị Quýnh      | Bắc An  | 1,080                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 648,000                    |
| 56 | Phạm Huy Nhàng      |         | 1,080                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 648,000                    |
| 57 | Nguyễn Văn Phức     |         | 1,841                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,104,600                  |
| 58 | Phạm Văn Thương     |         | 3,236                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,941,600                  |
| 59 | Nguyễn Thị Linh     |         | 3,164                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,898,400                  |

|    | Họ và tên              | Thôn   | Thiệt hại trên 70%           |                           |                                                      | Thiệt hại từ 30 - 70%        |                                                      | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) |
|----|------------------------|--------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------|
|    |                        |        | Diện tích lúa                |                           | Diện tích chuối                                      | Diện tích lúa                | Diện tích chuối                                      |                            |
|    |                        |        | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Diện tích mạ bị thiệt hại | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây |                            |
| 60 | Phạm Thị Xiết          | Tây An |                              |                           |                                                      | 1,080                        |                                                      | 324,000                    |
| 61 | Phạm Văn Lương         |        | 1,416                        |                           |                                                      | 1,080                        |                                                      | 1,173,600                  |
| 62 | Phạm Thị Bốn           |        | 960                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 576,000                    |
| 63 | Nguyễn Thị Đồng        |        | 360                          |                           |                                                      | 720                          |                                                      | 432,000                    |
| 64 | Phạm Văn Thống         |        | 1,080                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 648,000                    |
| 65 | Nguyễn Văn Kha         |        | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |
| 66 | Nguyễn Thị Nga (Thuận) |        | 768                          |                           |                                                      | 1,032                        |                                                      | 770,400                    |
| 67 | Phạm Hùng Nhẫn         |        | 2,040                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,224,000                  |
| 68 | Nguyễn Thị Mỹ          |        |                              |                           |                                                      | 720                          |                                                      | 216,000                    |
| 69 | Phạm Thị Vân           |        |                              |                           |                                                      | 720                          |                                                      | 216,000                    |
| 70 | Ngô Thị Nhuận          |        |                              |                           |                                                      | 768                          |                                                      | 230,400                    |
| 71 | Nguyễn Văn Vường       |        |                              |                           |                                                      | 1,440                        |                                                      | 432,000                    |
| 72 | Phạm Thị Chúc          |        | 1,620                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 972,000                    |
| 73 | Nguyễn Văn Nghĩa       |        |                              |                           |                                                      | 840                          |                                                      | 252,000                    |
| 74 | Nguyễn Thị Hòa         |        | 1,440                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 864,000                    |
| 75 | Phạm Văn Đình          |        |                              |                           |                                                      | 1,440                        |                                                      | 432,000                    |
| 76 | Nguyễn Thị Chép        |        | 2,160                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,296,000                  |
| 77 | Phạm Văn Núi           |        | 1,440                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 864,000                    |
| 78 | Trần Thị Ven           |        | 1,700                        |                           |                                                      | 360                          |                                                      | 1,128,000                  |
| 79 | Phạm Văn Vót           |        | 1,800                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,080,000                  |
| 80 | Nguyễn Hữu Chức        |        | 840                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 504,000                    |
| 81 | Nguyễn Ngọc Linh       |        | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |

|     | Họ và tên         | Thôn        | Thiệt hại trên 70%           |                           |                                                      | Thiệt hại từ 30 - 70%        |                                                      | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) |
|-----|-------------------|-------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------|
|     |                   |             | Diện tích lúa                |                           | Diện tích chuối                                      | Diện tích lúa                | Diện tích chuối                                      |                            |
|     |                   |             | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Diện tích mạ bị thiệt hại | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây |                            |
| 82  | Phạm Văn Ngà      |             | 1,980                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,188,000                  |
| 83  | Phạm Văn Phóng    |             | 1,260                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 756,000                    |
| 84  | Phạm Thị Nhiều    |             |                              |                           |                                                      | 888                          |                                                      | 266,400                    |
| 85  | Phùng Thị Nhường  |             |                              |                           |                                                      | 480                          |                                                      | 144,000                    |
| 86  | Phạm Văn Chương   |             |                              |                           |                                                      | 1,344                        |                                                      | 403,200                    |
| 87  | Nguyễn Thị Thiếc  |             |                              |                           |                                                      | 720                          |                                                      | 216,000                    |
| 88  | Nguyễn Ngọc Sáng  |             | 540                          |                           |                                                      | 1,800                        |                                                      | 864,000                    |
| 89  | Phạm Thị Thiết    |             | 2,503                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,501,800                  |
| 90  | Nguyễn Thị Mỹ     |             | 1,648                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 988,800                    |
| 91  | Phạm Văn Thông    |             | 1,515                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 909,000                    |
| 92  | Nguyễn Ngọc Doanh |             | 1,262                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 757,200                    |
| 93  | Trần Văn Khánh    | Quảng Xuyên | 3,675                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 2,205,000                  |
| 94  | Bùi Văn Thỏa      |             | 3,600                        |                           |                                                      |                              | 2,640                                                | 6,120,000                  |
| 95  | Bùi Văn Thắng     |             | 4,250                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 2,550,000                  |
| 96  | Phạm Thị Soan     | Nam An      | 2,472                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,483,200                  |
| 97  | Đỗ Thị Quyên      |             | 1,992                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,195,200                  |
| 98  | Nguyễn Thị Thúy   |             | 943                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 565,800                    |
| 99  | Phạm Thị Sìn      |             | 1,328                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 796,800                    |
| 100 | Trần Thị Hiền     |             | 1,260                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 756,000                    |
| 101 | Đỗ Thị Sáu        |             | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |
| 102 | Bùi Thị Lan       |             | 360                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 216,000                    |
| 103 | Nguyễn Văn Tú     |             | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |

|     | Họ và tên               | Thôn        | Thiệt hại trên 70%           |                           |                                                      | Thiệt hại từ 30 - 70%        |                                                      | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) |
|-----|-------------------------|-------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------|
|     |                         |             | Diện tích lúa                |                           | Diện tích chuối                                      | Diện tích lúa                | Diện tích chuối                                      |                            |
|     |                         |             | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Diện tích mạ bị thiệt hại | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây |                            |
| 104 | Trần Văn Mãi            |             | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |
| 105 | Trần Thị Duyên          |             | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |
| 106 | Phùng Văn Thịnh         |             | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |
| 107 | Nguyễn Ngọc Chuyên      | Kim Đới     | 480                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 288,000                    |
| 108 | Lê Thị Thoa             |             | 2,040                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,224,000                  |
| 109 | Nguyễn Nhân Bảo (Tươi)  |             | 2,400                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,440,000                  |
| 110 | Nguyễn Thị Luy          |             | 1,203                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 721,800                    |
| 111 | Trần Văn Khoan          |             | 1,185                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 711,000                    |
| 112 | Trần Văn Tuyên          |             |                              |                           |                                                      | 4,056                        |                                                      | 1,216,800                  |
| 113 | Nguyễn Nhân Cải (Luyến) |             | 868                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 520,800                    |
| 114 | Nguyễn Thị Láng         |             | 720                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 432,000                    |
| 115 | Nguyễn Đình Tâm         | Đông An     | 312                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 187,200                    |
| 116 | Nguyễn Văn Tiến         |             | 5,040                        |                           |                                                      |                              |                                                      | 3,024,000                  |
| 117 | Phạm Thị Lăn            |             | 540                          |                           |                                                      |                              |                                                      | 324,000                    |
| 118 | Phạm Văn Kiên           | Thôn An Lao | 2700                         |                           |                                                      |                              |                                                      | 1,620,000                  |
| 119 | Vũ Văn Ba               |             |                              |                           | 7,500                                                |                              |                                                      | 22,500,000                 |
| 120 | Phạm Văn Đảo            |             |                              |                           |                                                      |                              | 1,200                                                | 1,800,000                  |
| 121 | Phạn Văn Biên           |             |                              |                           |                                                      |                              | 1,008                                                | 1,512,000                  |
| 122 | Phạm Văn Bờ             |             |                              |                           |                                                      |                              | 3,072                                                | 4,608,000                  |
| 123 | Phạm Văn Tùy            |             |                              |                           |                                                      |                              | 3,144                                                | 4,716,000                  |
| 124 | Phạm Văn Luân           |             |                              |                           | 800                                                  |                              |                                                      | 2,400,000                  |
| 125 | Phạm Văn Hương          |             |                              |                           |                                                      |                              | 760                                                  | 1,140,000                  |

|     | Họ và tên      | Thôn | Thiệt hại trên 70%           |                           |                                                      | Thiệt hại từ 30 - 70%        |                                                      | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) |
|-----|----------------|------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------|
|     |                |      | Diện tích lúa                |                           | Diện tích chuối                                      | Diện tích lúa                | Diện tích chuối                                      |                            |
|     |                |      | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Diện tích mạ bị thiệt hại | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây | Sau gieo trồng từ 01-10 ngày | Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây |                            |
| 126 | Phạm Văn Quân  |      |                              |                           | 1,080                                                |                              |                                                      | 3,240,000                  |
| 127 | Phạm Văn Ngự   |      |                              |                           | 2,400                                                |                              |                                                      | 7,200,000                  |
| 128 | Hoàng Văn Thái |      |                              |                           |                                                      |                              | 1,200                                                | 1,800,000                  |
| 129 | Phạm Xuân Thủy |      |                              |                           |                                                      |                              | 480                                                  | 720,000                    |













